FireAnt

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP (HNX: TVC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
SL cổ phiếu LH	110,610,670
KLGD BQ 20 phiên (CP)	493,630
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	973
P/E	7.6
EPS	1,159

	YTD	1T	3T	6T
TVC	-15.4%	3.5%	-3.3%	-16.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

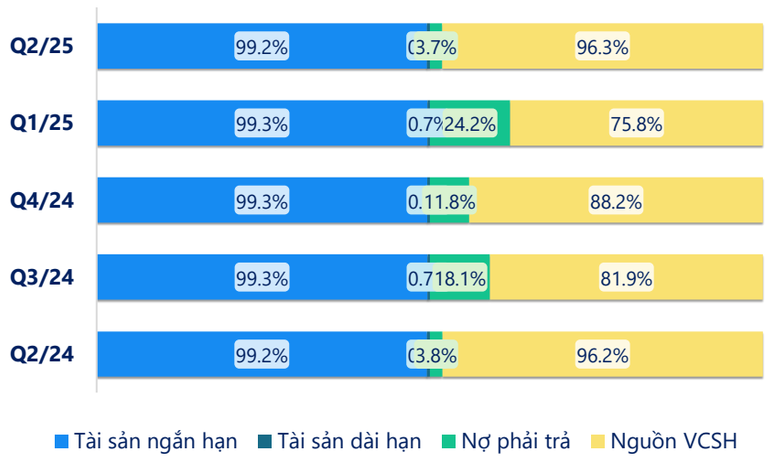

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

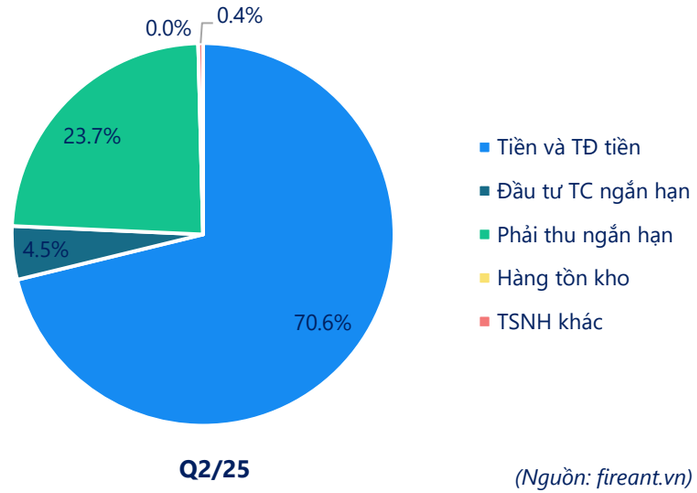

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

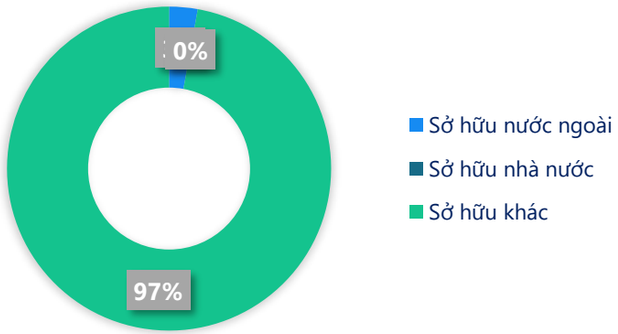

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

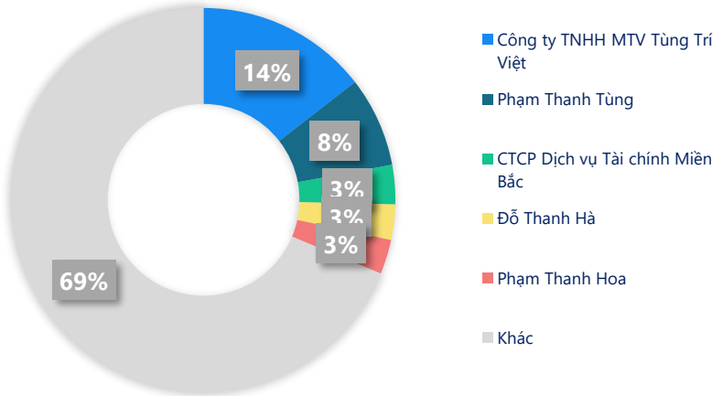

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

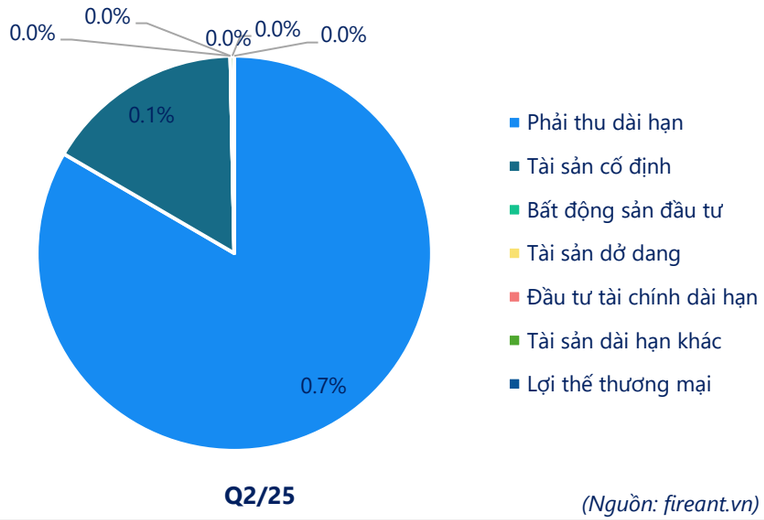

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP (HNX: TVC)

Tiền và tương đương tiền

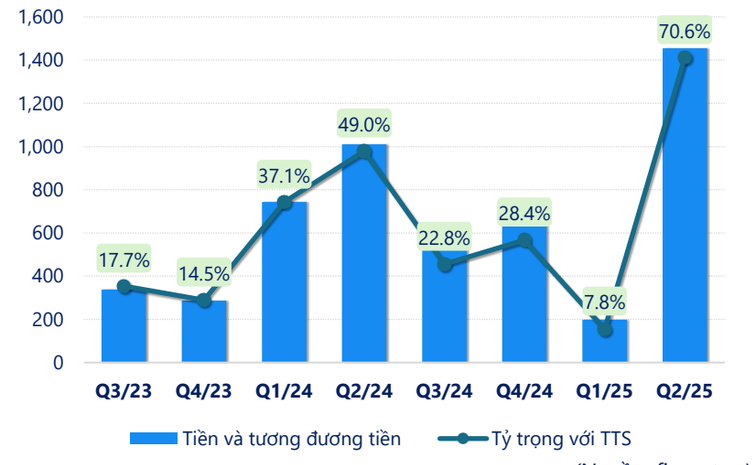

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

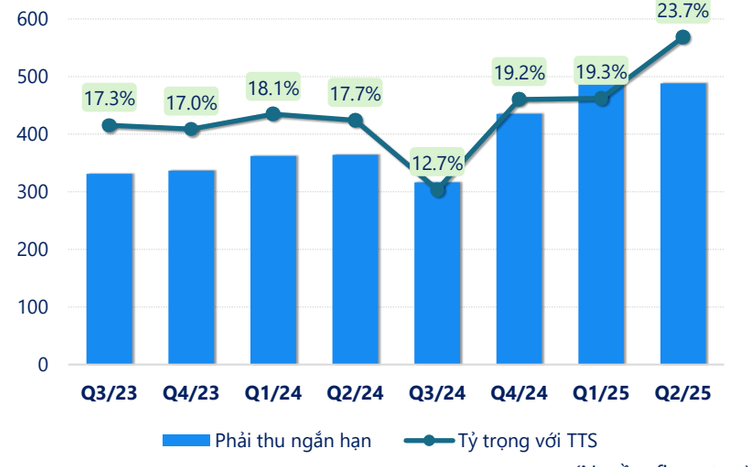

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

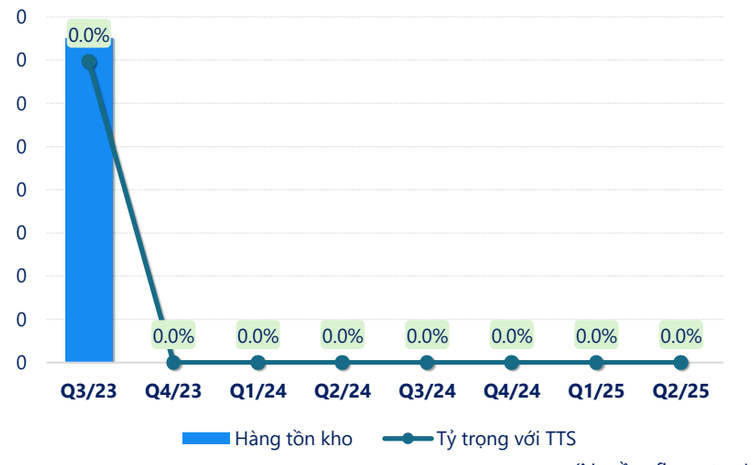

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

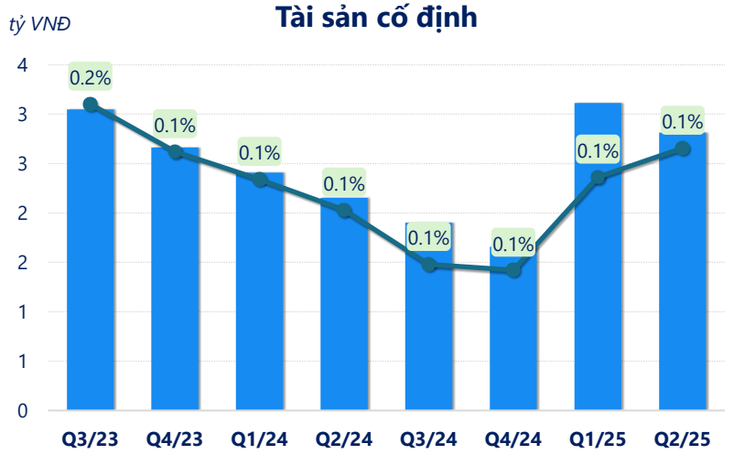

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

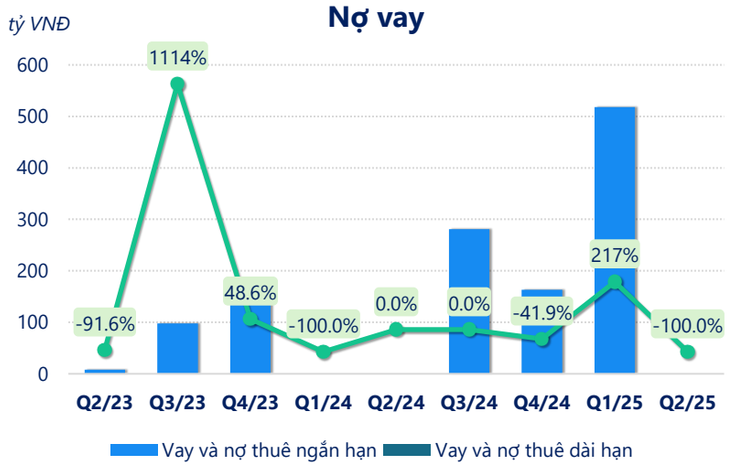

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

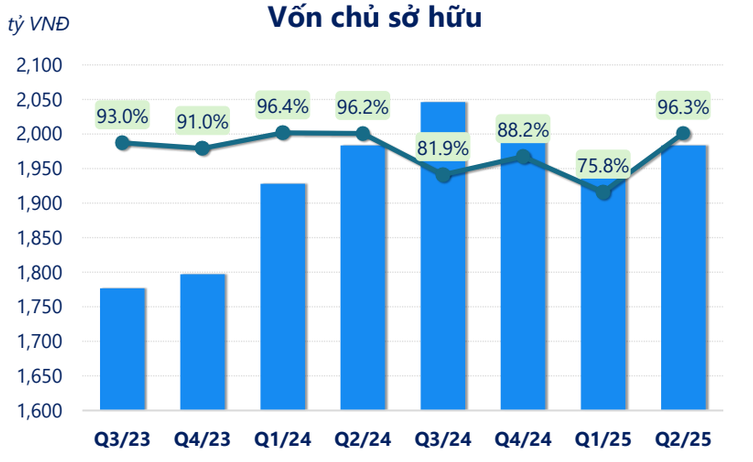

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP (HNX: TVC)

Kết quả kinh doanh

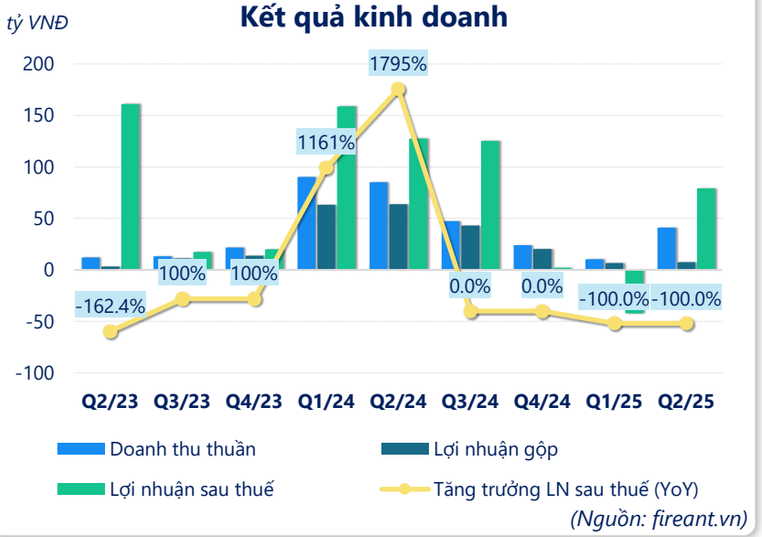

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

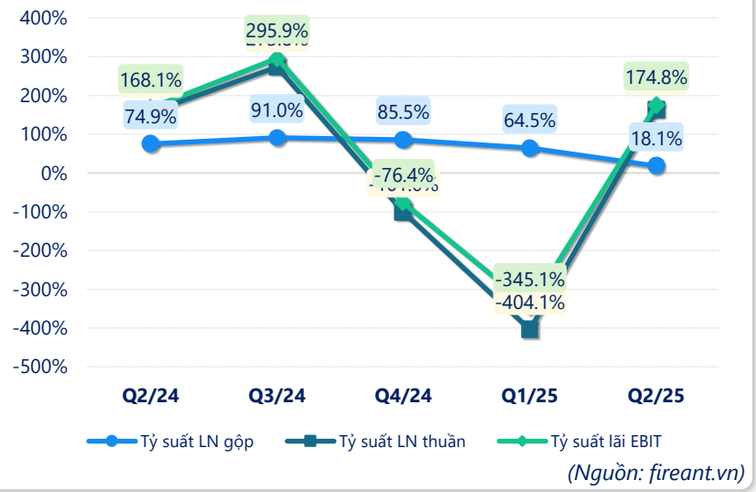

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

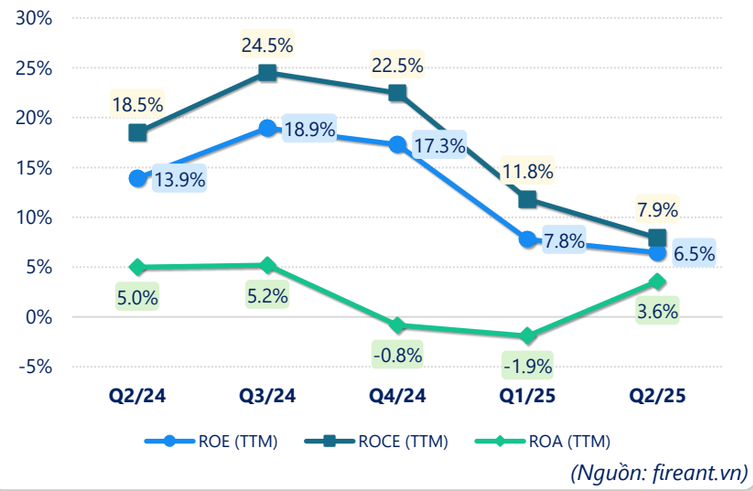

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

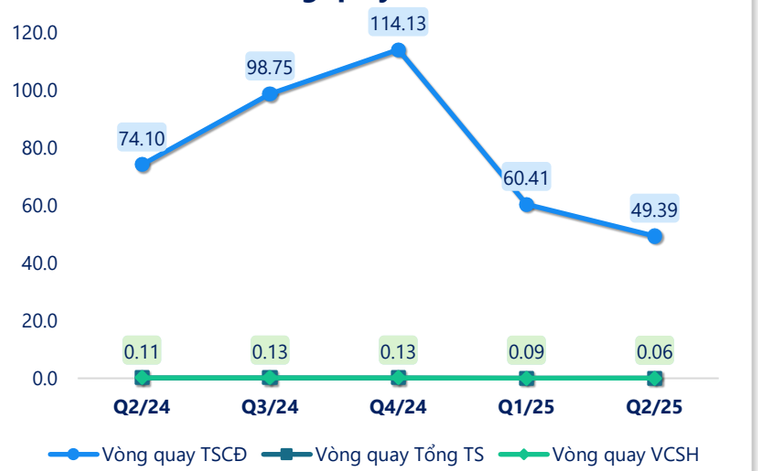

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

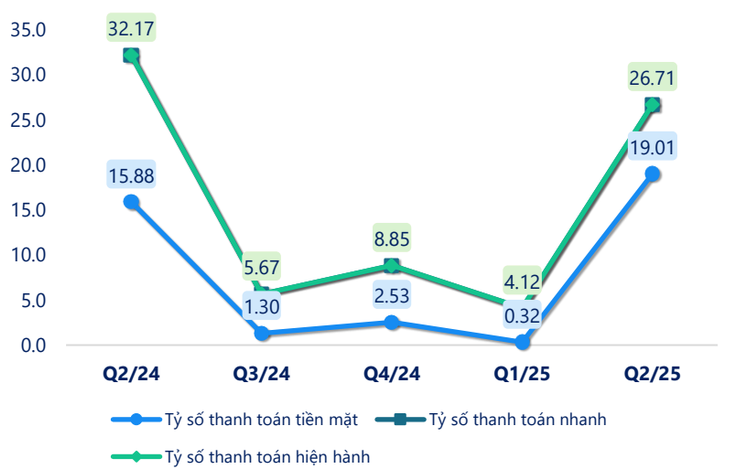

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

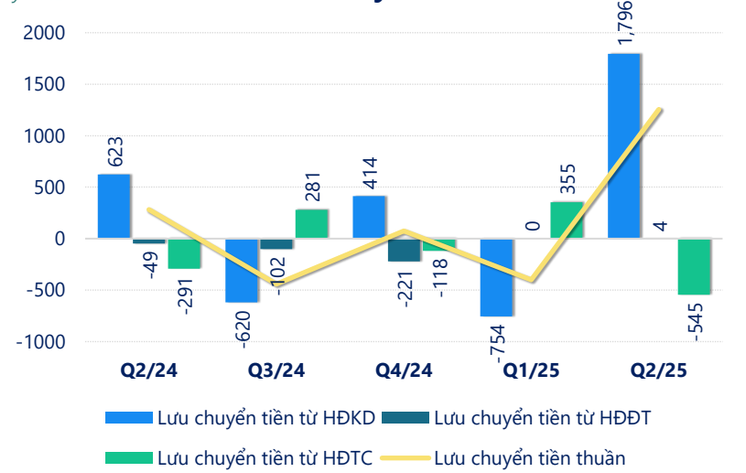

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP (HNX: TVC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,060**	**2,281**	**-9.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,043	2,264	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	1,454	599	143%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.2	1,166	-92.1%
Phải thu ngắn hạn	488	491	-0.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.32	9.42	-11.7%
Tài sản dài hạn	**17.3**	**17.0**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	14.4	15.0	-4.0%
Tài sản cố định	2.81	1.66	69.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.05**	**0.31**	**-82.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.5	273	-72.0%
Nợ ngắn hạn	**76.5**	**260**	**-70.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	163	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.22	18.7	-98.8%
Nợ dài hạn	0	12.7	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,983**	**2,008**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,983**	**2,008**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	1,106	1,186	-6.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	85.1	47.4	23.9	10.4	41.0
Giá vốn hàng bán	21.4	4.27	3.45	3.69	33.6
Lợi nhuận gộp	63.7	43.1	20.4	6.70	7.42
Doanh thu HĐTC	96.0	131	39.9	6.07	68.6
Chi phí TC	7.58	33.2	38.5	42.9	-3.05
Chi phí lãi vay	10.0	8.88	6.06	6.44	5.18
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.8	0	34.7	0.05	0.04
Chi phí QLDN	7.34	11.0	11.2	11.8	12.1
LN thuần từ HĐKD	133	130	-24.1	-42.0	67.0
Lợi nhuận khác	-0.02	1.59	-0.18	-0.30	-0.44
LN trước thuế	133	131	-24.3	-42.3	66.5
Lợi nhuận sau thuế	127	125	2.17	-42.3	79.2
LNST của CĐ cty mẹ	96.6	115	-17.2	-43.5	74.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	623	-620	414	-754	1,796
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.7	-102	-221	0	4.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-291	281	-118	355	-545
Tiền đầu kỳ	743	1,010	569	599	199
Lưu chuyển tiền thuần	**283**	**-441**	**75.3**	**-400**	**1,255**
Ảnh hưởng tỷ giá	-16.2	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,010	569	644	199	1,454

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic